

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Mạnh Tuân.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đình Thanh và ông Nguyễn Trọng Khánh.
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ Quốc Nam - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7-Đắk Lắk.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Ông Y Gon Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 03 năm 2026 tại hội trường Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 219/2025/TLST – HNGĐ, ngày 30 tháng 10 năm 2025, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 12/02/2026 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Hoàng Thị A, sinh năm 1988.
Địa chỉ: Thôn D, xã C, tỉnh Đắk Lắk.
Hiện đang cư trú: Số nhà C đường H, phường L, tỉnh Lâm Đồng. (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*).
- ***Bị đơn:*** Ông Mai Văn T, sinh năm 1986.
Địa chỉ: Thôn D, xã C, tỉnh Đắk Lắk. (*Vắng mặt không có lý do*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo Đơn khởi kiện các biên bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hoàng Thị A trình bày:*

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Tôi (A) và ông Mai Văn T qua thời gian tìm hiểu và quen biết nhau chừng 02 năm thì kết hôn, ban đầu chúng tôi tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, cho đến khoảng 02 năm sau thì vợ chồng tôi mới đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và có đăng ký kết hôn vào ngày 07/01/2011 tại UBND xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Cũ). Việc chúng tôi về chung sống với nhau hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc, cưỡng ép kết hôn.

Trong thời gian đầu chúng tôi chung sống hạnh phúc được khoảng chừng 05 đến 06 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Thời gian khoảng 05 năm trở lại đây, ông Mai Văn T không chịu làm ăn suốt ngày uống rượu về kiêu chuyện gây gổ với tôi, đập phá đồ đạc trong nhà, không lo giúp đỡ vợ con công việc trong gia đình, tôi có góp ý

thì ông Mai Văn T không những không nghe mà quay sang đánh đập, hành hung tôi. Sự việc cứ liên tục diễn ra. Bản thân tôi có nhờ gia đình bên nội, hàng xóm góp ý, giúp đỡ nhưng ông Mai Văn T không nghe mà ngày càng hung hăng hơn, nên vợ chồng ngày càng mâu thuẫn hơn mà không thể giải quyết với nhau được, nên vợ chồng sống ly thân nhau khoảng 04 đến 05 năm nay. Khi ly thân thì tôi chuyển sang Lâm Đồng để sống và làm thuê, còn ông Mai Văn T vẫn sinh sống tại thôn D, xã C cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, ông Mai Văn T thì thoải mái gọi điện thoại cho tôi, nhưng trong tình trạng đã uống rượu, nên đôi lúc tôi cũng không nghe, mà mỗi lần ông Mai Văn T gọi điện thoại thì chủ yếu là hỏi thăm con cái là chính, không lần nào gọi nói chuyện với tôi để bàn cách giải quyết mâu thuẫn của vợ chồng.

Xét thấy từ ngày chúng tôi sống ly thân với nhau cho đến nay, thì chúng tôi sống mỗi người một nơi, vợ chồng không có trách nhiệm gì với nhau, kinh tế riêng, việc ai người ấy tự lo. Do mâu thuẫn của vợ chồng tôi đã quá trầm trọng không thể hàn gắn lại được, tình cảm của vợ chồng đã hết. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Mai Văn T.

-Về con chung: Tôi và ông Mai Văn T có 02 con chung là cháu Mai Hoàng Anh T1, sinh ngày 14/7/2009 và cháu Mai Hoàng Bảo N, sinh ngày 01/8/2014. Hiện nay các cháu đang ở với tôi. Do ông Mai Văn T không có nơi ở ổn định, tôi xin nuôi các cháu cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông Mai Văn T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho tôi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chúng tôi không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*Bị đơn ông Mai Văn T, mặc dù đã biết việc bà Hoàng Thị A có đơn khởi kiện xin ly hôn và được Tòa án khu vực 7 – Đắk Lắk giải quyết, nhưng ông Mai Văn T không đến làm việc, không gửi văn bản trình bày ý kiến, cố tình giấu địa chỉ, nên Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk không ghi nhận được ý kiến.

Phản tranh luận

-Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Mai Văn T vắng mặt không có lý do chính đáng, nên không ghi nhận được ý kiến tranh luận.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

-*Về tố tụng:* Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đều thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Mai Văn T đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản, quyết định tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do là vi phạm các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, 147 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 9, 51, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2026/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Q, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị A, cụ thể:

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Hoàng Thị A được ly hôn với ông Mai Văn T.
- Về con chung: Giao cho bà Hoàng Thị A được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục 02 con chung, cháu Mai Hoàng Anh T1, sinh ngày 14/7/2009 và cháu Mai Hoàng Bảo N, sinh ngày 01/8/2014 cho đến tuổi trưởng thành.
- Về án phí: Bà Hoàng Thị A phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn bà Hoàng Thị A yêu cầu Tòa án giải quyết về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” bị đơn ông Mai Văn T có nơi cư trú tại xã C, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk theo khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án ông Mai Văn T vắng mặt tại nơi cư trú, Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk đã tiến hành xác minh địa chỉ của ông Mai Văn T tại địa phương được biết: Ông Mai Văn T có đăng ký hộ khẩu tại thôn D, xã C, tỉnh Đắk Lắk và thông qua gia đình ông Mai Văn T có biết việc Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk đang thụ lý vụ án ly hôn theo đơn của bà Hoàng Thị A, nhưng ông Mai Văn T không hợp tác, không đến làm việc, không nêu lý do vắng mặt, thuộc trường hợp cố tình vắng mặt, giấu địa chỉ. Tại phiên tòa bà Hoàng Thị A có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Nội dung

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị A và ông Mai Văn T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 07/01/2011 tại UBND xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo lời khai của bà Hoàng Thị A: Trong thời gian chung sống, ông T không lo làm ăn, không giúp đỡ vợ con công việc gia đình, rượu chè về kiếm chuyện, đập phá đồ đạc trong nhà, đánh đập, hành hung bà Hoàng Thị A. Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, do mâu thuẫn không thể giải quyết với nhau được nên vợ chồng sống ly thân nhau khoảng 05 đến 06 năm nay mỗi người một nơi.

Xét thấy vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, chăm sóc nhau, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, Mặc dù ông Mai Văn T biết việc bà Hoàng Thị A có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông, nhưng ông Mai Văn T không đến làm việc, không gửi lời khai, ý kiến của đề bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cho Tòa án và không có biện pháp, giải pháp để khắc phục mâu thuẫn của vợ chồng. Hơn nữa giữa bà Hoàng Thị A và ông Mai Văn T ly thân với nhau thời gian dài, nên có căn cứ khẳng định, mâu thuẫn giữa bà Hoàng Thị A và ông Mai Văn T đã trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu cho bà Hoàng Thị A ly hôn với ông Mai Văn T là có cơ sở.

[2.2] Về con chung: Bà Hoàng Thị A và ông Mai Văn T có 02 người con chung là cháu Mai Hoàng Anh T1, sinh ngày 14/7/2009 và cháu Mai Hoàng Bảo N, sinh ngày 01/8/2014, bà Hoàng Thị A và có nguyện vọng được nuôi các con chung cho đến tuổi trưởng thành. Xét thấy hiện các con chung đang do bà Hoàng Thị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, bản thân ông Mai Văn T hiện không có mặt tại địa phương, không có ý kiến gì về việc này. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con chung, nên cần chấp nhận giao các con chung cho bà Hoàng Thị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Hoàng Thị A không yêu cầu ông Mai Văn T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét không yêu cầu ông Mai Văn T cấp dưỡng tiền nuôi con chung của bà Hoàng Thị A là tự nguyện, phù hợp với pháp luật, nên vấn đề cấp dưỡng không đặt ra giải quyết tại phiên tòa.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Hoàng Thị A không yêu cầu nên không giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Hoàng Thị A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân Gia đình theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Hoàng Thị A được ly hôn với ông Mai Văn T.

2. Về con chung: Giao cho bà Hoàng Thị A được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các con chung cháu Mai Hoàng Anh T1, sinh ngày 14/7/2009 và cháu Mai Hoàng Bảo N, sinh ngày 01/8/2014 cho đến tuổi trưởng thành (Tròn 18 tuổi).

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Hoàng Thị A không yêu cầu ông Mai Văn T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nên không đặt ra để giải quyết

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Hoàng Thị A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng do Bà Hoàng Thị A đã nộp tạm ứng án phí, tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu tiền số 0003567 ngày 29/10/2025.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án Hôn nhân Gia đình sơ thẩm trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án (hoặc) kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

Nơi nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 7;
- THADS tỉnh Đắk Lắk
- Phòng THADS khu vực 7;
- UBND xã Cư Yang;
- Đường sự;
- Lưu HS.

Nguyễn Mạnh Tuấn

Bản án gốc được các thành viên Hội đồng xét xử nghị án thông nhất và biểu quyết thông qua tại phòng nghĩa án và ký tên dưới đây.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 16 giờ 05 phút ngày 06 tháng 03 năm 2026

Tại: Phòng nghị án, Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk.

Với Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Mạnh T2.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đình T3 và ông Nguyễn Trọng K

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 219/2025/TLST-HNGĐ ngày 30/10/2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*" giữa:

- - **Nguyên đơn:** Bà Hoàng Thị A, sinh năm 1988.

Địa chỉ: T, xã C, tỉnh Đắk Lắk.

Hiện đang cư trú: Số nhà C đường H, phường L, tỉnh Lâm Đồng. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Ông Mai Văn T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn D, xã C, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt không có lý do)

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

I. Quan hệ pháp luật và điều luật áp dụng.

- Quan hệ pháp luật việc việc "*Kiên ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*"

- Điều luật áp dụng:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3 ý kiến thống nhất (100%)

II. Quyết định:

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ L.

2. 1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Hoàng Thị A được ly hôn với ông Mai Văn T .

2. Về con chung: Giao cho bà Hoàng Thị A được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cháu Mai Hoàng Anh T1, sinh ngày 14/7/2009 và cháu Mai Hoàng Bảo N, sinh ngày 01/8/2014 cho đến tuổi trưởng thành (Tròn 18 tuổi).

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Hoàng Thị A không yêu cầu ông Mai Văn T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nên không đặt ra để giải quyết

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Kết quả biểu quyết: 3/3 ý kiến thống nhất (100%)

3. ***Về án phí:*** Bà Hoàng Thị A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng do Bà Hoàng Thị A đã nộp tạm ứng án phí, tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu tiền số 0003567 ngày 29/10/2025.

4. .

quyết: C (100%)

Kết quả biểu

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án Hôn nhân Gia đình sơ thẩm trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án (hoặc) kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Kết quả biểu quyết: 3/3 ý kiến thống nhất (100%)

Nghị án kết thúc vào hồi 16 giờ 25 phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho các thành viên Hội đồng xét xử nghe, công nhận là đúng và ký tên dưới đây

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Thanh Nguyễn Trọng K

Nguyễn Mạnh T2